

SĐC

237 BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ HUYỆN PHÚ RIỀNG

LỊCH SỬ

**LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG (1945 - 2018)**



Năm 2019

**BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ HUYỆN PHÚ RIỀNG**

LỊCH SỬ

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG (1945 - 2018)

**THƯ VIỆN TỈNH
BÌNH PHƯỚC**

ĐC / 237

Năm 2019

Chỉ đạo biên soạn
BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY PHÚ RIỀNG
Tổ chức thực hiện
BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ HUYỆN PHÚ RIỀNG
Ban Chỉ đạo

1. Đ/c Trần Văn Lân - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy:
Trưởng ban
2. Đ/c Bùi Quốc Minh - Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy:
Phó ban
3. Đ/c Bùi Văn Hiếu - Ủy viên Ban Thường vụ,
Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy:
Phó ban thường trực
4. Thượng tá Nguyễn Quốc Soài - Ủy viên Ban Thường vụ
Huyện ủy, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện:
Thành viên
5. Đ/c Lê Văn Tuấn - Chánh Văn phòng Huyện ủy:
Thành viên

- Ban biên soạn**
1. Đ/c Bùi Văn Hiếu - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy,
Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy: Trưởng ban
 2. Nguyễn Thanh Danh - Trưởng phòng Lý luận chính trị
và Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy: Thành viên
 3. Đ/c Nguyễn Anh Đức - Phó trưởng phòng Lý luận chính
trị và Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy: Thành viên
 4. Thượng tá Lê Huy Chung - Trưởng ban Khoa học
quân sự, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh: Thành viên
 5. Thượng tá Đoàn Ngọc Bảy - Huyện ủy viên,
Chính trị viên Ban CHQS huyện: Thành viên

6. Đ/c Đỗ Đức Hùng - Phó Ban Tuyên giáo Huyện ủy:
Thành viên
7. Đ/c Đặng Quang Trung - Chuyên viên phòng Lý luận
chính trị và Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy:
Thành viên
8. Đ/c Lưu Thị Phúc - Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy:
Thành viên.

Tổ thư ký

1. Thiếu tá Trần Thanh Lâm - Chính trị viên
phó Ban CHQS huyện: Tổ trưởng
2. Đ/c Nguyễn Thị Mai Tuyên - Kế toán Văn phòng
Huyện ủy - Thành viên
3. Đ/c Lưu Thị Phúc - Chuyên viên Ban Tuyên giáo
Huyện ủy: Thành viên.

Giấy phép: 14/GP-STTTT ngày 30 tháng 10 năm 2019, do Sở Thông tin - Truyền thông tỉnh Bình Phước cấp, khổ (14.5x20.5) cm, số lượng in 650 cuốn, tại Công ty TNHH Tâm Ánh Dương, 31 đường số 17, khu phố 3, Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh; ĐT: 028 6283 6536
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12/2019

Lời giới thiệu

Phú Riềng là vùng đất có bề dày truyền thống yêu nước. Trong suốt chiều dài lịch sử, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Phú Riềng đã góp phần viết nên những trang lịch sử hào hùng của dân tộc. Trải qua những năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ địa phương, của lực lượng vũ trang tỉnh Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Long, tỉnh Sông Bé, tỉnh Bình Phước từng bước xây dựng và phát triển lực lượng, kiên cường bám trụ, sáng tạo trong cách đánh địch, hiệu suất chiến đấu cao, phù hợp với đặc điểm chiến trường, hỗ trợ có hiệu quả cho hoạt động chính trị, binh địch vận và phong trào chiến tranh nhân dân ở địa phương góp phần lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của địch, giải phóng quê hương, thống nhất đất nước.

Đặc biệt, trên địa bàn Phú Riềng trước đây, vào đêm 28 rạng sáng 29/10/1929 đã diễn ra một sự kiện quan trọng có tính lịch sử của Đảng và giai cấp công nhân Việt Nam, của cách mạng Việt Nam. Chi bộ Phú Riềng là chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh, cũng là chi bộ đầu tiên của ngành cao su Việt Nam. Đây là bước ngoặt trọng đại trong lịch sử phong trào công nhân cao su Việt Nam. Sự kiện thành lập Chi bộ Phú Riềng mãi mãi là mốc son lịch sử trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam.

Trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, lực lượng vũ trang Phú Riềng khẩn trương kiện toàn tổ chức, thực hiện chính sách hậu phương quân đội, bảo vệ thành quả

cách mạng và làm lực lượng xung kích trên mặt trận khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển sản xuất trên địa bàn huyện. Cùng với lực lượng vũ trang cả nước, lực lượng vũ trang tỉnh đã nỗ lực chiến đấu bảo vệ Tổ quốc biên giới Tây Nam; thực hiện nhiệm vụ quân sự - quốc phòng tại địa phương, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân; đồng thời xây dựng bộ đội huyện và dân quân tự vệ ở địa phương vững mạnh toàn diện, sẵn sàng ứng phó thắng lợi trước mọi tình huống.

Nhằm phục dựng lại quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Riềng qua các thời kỳ, với những đóng góp hy sinh lớn lao, với những chiến công, những thành tích tự hào của cán bộ, chiến sĩ trong sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược và trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Với mong muốn ghi nhận lại quá trình xây dựng và phát triển của Lực lượng vũ trang nhân dân Phú Riềng⁷³ năm qua. Ban Thường vụ huyện ủy chủ trương tiến hành biên soạn Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân Phú Riềng (1945 - 2018), nhằm khẳng định chặng đường phấn đấu liên tục của lực lượng vũ trang huyện trong bối cảnh luôn đan xen những thuận lợi và khó khăn và từ đó đã giành những thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử, rất tự hào. Đó là hành trang quý báu để chúng ta vững bước trên con đường xây dựng Phú Riềng trở thành một huyện ngày càng giàu đẹp, văn minh và hiện đại.

Cuốn sách này làm tài liệu tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng giúp cho các thế hệ cán bộ, đảng

viên và các tầng lớp nhân dân Phú Riềng. Đồng thời, ghi nhớ lại quá trình hoạt động của lực lượng vũ trang trên địa bàn, tôn vinh công lao đóng góp của các thế hệ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang qua các thời kỳ, những người đã anh dũng hy sinh, cống hiến một phần xương máu vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

Trong quá trình nghiên cứu, biên soạn và xuất bản, cuốn sách này khó tránh khỏi sai sót, rất mong nhận được sự góp ý xây dựng của bạn đọc để lần xuất bản sau cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của huyện Phú Riềng qua các thời kỳ và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Phước đã giúp đỡ, đóng góp ý kiến để cuốn sách được ra mắt bạn đọc.

Ban chỉ huy Quân sự huyện Phú Riềng

MỞ ĐẦU

VÙNG ĐẤT PHÚ RIỀNG QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

I. Địa lý tự nhiên, hành chính và quân sự

1. Đặc điểm tự nhiên

Phú Riềng là huyện miền núi nằm ở phía Bắc của tỉnh Bình Phước, phía Đông giáp huyện Bù Đăng và huyện Đồng Phú, phía Tây giáp huyện Hớn Quản và huyện Lộc Ninh, phía Nam giáp huyện Đồng Phú, phía Bắc giáp thị xã Phước Long và huyện Bù Gia Mập, địa hình thấp dần về phía nam. Tổng diện tích tự nhiên 67.465,21 ha, cơ cấu hành chính gồm có 10 xã, với 89 thôn. Tổng dân số 93.577 nhân khẩu (trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 11,85%), có 4 tôn giáo chính: Phật giáo, Thiên chúa giáo, Tin lành và Hồi giáo. Hệ thống chính trị cơ sở được kiện toàn và hoạt động có hiệu quả, quốc phòng - an ninh được giữ vững.

Mang đặc điểm chung của vùng miền Đông Nam Bộ. Khí hậu ở huyện Phú Riềng nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa đặc trưng của vùng Đông Nam bộ, trong năm phân thành hai mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 dương lịch, lượng mưa khá cao, trung bình khoảng 2.000 mm/năm. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ thấp nhất 26°C, nhiệt độ cao nhất 34°C, nhiệt độ trung bình trong năm 30°C. Độ ẩm thấp nhất 22% vào mùa khô và cao nhất vào mùa mưa đạt 100%, độ ẩm trung bình đạt 70%. Mùa mưa nắng nóng kéo dài,

lượng mưa bốc hơi nhanh, độ ẩm thấp, làm ảnh hưởng lớn đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật, nhất là các cây trồng.

Hệ thống cung cấp nước tự nhiên theo mùa. Lượng mưa hàng năm kéo dài 6 - 7 tháng, là nguồn cung cấp nước ngọt chủ yếu phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Trên địa bàn Phú Riềng có các con suối chảy qua, nhưng chủ yếu là con suối nhỏ. Ngoài ra, có hệ thống hồ, đập, bầu góp phần cung cấp nguồn nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt của người dân.

Đất đai ở Phú Riềng thuộc loại đất bazan, nâu xám thích hợp với các cây công nghiệp nhiệt đới, có giá trị kinh tế cao như: Cao su, tiêu, điều, cà phê. Nông nghiệp là kinh tế chủ đạo của huyện, trong đó hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp góp phần cung cấp nguồn hàng xuất khẩu quan trọng của huyện. Diện tích đất trồng rau, hoa màu được trồng vào mùa mưa nhưng không đáng kể, năng suất thấp. Việc tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp ở đây gặp nhiều khó khăn, nhất là vào mùa khô.

Hệ thống giao thông của huyện Phú Riềng được đầu tư, nâng cấp phát triển khá đồng bộ; trong đó có trục đường số 2 (nay là ĐT741) dài hơn 20km chạy qua nối thành phố Đồng Xoài với thị xã Phước Long được thực dân Pháp xây dựng đầu thế kỷ XX nhằm phục vụ cho khai thác cao su và phục vụ chiến tranh. Ngày nay, đường ĐT741 là cầu nối với các thị trường lớn như Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai. Đây là con đường có ý nghĩa quan trọng tác động rất lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội

của địa phương. Ngoài ra, còn có tuyến Đường ĐT 753b (còn gọi là ĐH312) dài 9,6 km kết nối từ ngã tư xã Phú Riềng đi qua xã Phú Trung nối với Quốc lộ 14. Bên cạnh đó, Phú Riềng còn có hệ thống đường liên xã, liên thôn được nhựa hóa và bê tông hóa nối liền với các xã trong và ngoài huyện tạo thành một mạng lưới giao thông thuận lợi cho việc đi lại cũng như việc giao lưu, trao đổi hàng hóa với các địa phương.

Hệ thống điện lưới trên địa bàn huyện đã hoàn thiện với 100% xã, thôn được hòa vào mạng lưới điện quốc gia cung cấp. Thông tin liên lạc chủ yếu phát triển mạnh khu vực trung tâm của xã, hoặc các điểm dân cư dọc theo các trục giao thông chính. Mạng lưới viễn thông phát triển mạnh góp phần phủ sóng điện thoại khắp xã, thôn đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin của người dân.

2. Địa lý hành chính và quân sự

Xưa kia, vùng đất Phú Riềng rất hoang sơ, chủ yếu đồng bào dân tộc S'tiêng sinh sống ven các con suối, bìa rừng. Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, cộng đồng dân cư đã tụ họp về ngày một đông thêm, biến vùng đất nơi đây thành một vùng đất ngày càng trở nên trù phú. Huyện Phú Riềng được thành lập theo Nghị quyết số 931/NQUBTV-QH ngày 15 - 5 - 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc chia tách địa giới hành chính huyện Bù Gia Mập, thành lập huyện Phú Riềng và đi vào hoạt động từ ngày 01 - 8 - 2015, là một trong 11 huyện, thị, thành phố của tỉnh Bình Phước.

Năm 1808 tổng Bình An được nâng lên thành huyện

Bình An; huyện Phước Long được nâng lên thành phủ Phước Long, dinh Trấn Biên đổi thành trấn Biên Hòa. Vùng đất Phú Riềng thuộc huyện Bình An.

Năm 1832 Nhà Nguyễn đổi đất “Ngũ trấn” (Biên Hòa, Phiên An, Định Tường, Vĩnh Thanh, Hà Tiên) thành “Nam kỳ lục tỉnh” (Biên Hòa, Phiên An, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên). Cũng trong năm này, trấn Biên Hòa đổi thành tỉnh Biên Hòa, gồm 1 phủ Phước Long và 4 huyện. Địa bàn Phú Riềng vào thời điểm này thuộc huyện Bình An, phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa.

Đầu thế kỷ XX, sau thời gian thăm dò khảo sát vùng đất biên giới, thực dân Pháp chính thức thiết lập bộ máy cai trị ở đây với sự ra đời của đồn binh Phú Riềng. Lúc này, Phú Riềng vẫn thuộc tỉnh Biên Hòa.

Năm 1911, khi trồng thử nghiệm thành công cây cao su thực dân Pháp cho lập Công ty cao su Xét - xô (Société des Caout Choues d'Extrême Orient -S.C.C.E.O); đồng thời người Pháp cho thành lập nhiều đồn điền cao su ở vùng Phú Riềng - Phước Long.

Năm 1912, Pháp lập các đại lý hành chính trong vùng đồng bào dân tộc S'tiêng quanh khu vực núi Bà Rá lấy tên đại lý Sông Bé, để quản lý hành chính và tổ chức phòng thủ về quân sự trên vùng đất của người S'tiêng quanh khu vực Bà Rá - Phước Long. Sau đó thành lập quận Bá Rá thay thế cho Đại lý Sông Bé. Vùng xung quanh Bà Rá - Phước Long, trong đó có Phú Riềng ngày nay, thuộc quận Bà Rá, tỉnh Biên Hòa.

Năm 1924, thực dân Pháp cho thành lập quận Bà Rá.

Địa bàn Phú Riềng là phần đất thuộc quận Bà Rá, tỉnh Biên Hòa.

Năm 1925, Pháp đổi tên quận Bà Rá thành quận Phú Riềng, thuộc tỉnh Biên Hòa. Năm 1927 đổi tên quận Phú Riềng thành quận Sông Bé, trung tâm hành chính đóng tại Bù Kroi (thuộc xã Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập ngày nay), địa bàn Phú Riềng thuộc quận Sông Bé, tỉnh Biên Hòa. Năm 1933, Pháp tiếp tục đổi tên quận Sông Bé thành quận Núi Bà Rá, địa bàn Phú Riềng thuộc quận Núi Bà Rá, tỉnh Biên Hòa.

Ngày 4/7/1988, Hội đồng Bộ trưởng có Quyết định số 112 - HĐBT về việc chia tách lại địa giới hành chính một số xã, huyện thuộc tỉnh Sông Bé. Theo đó, địa bàn huyện Phú Riềng thuộc huyện Phước Long và 1 xã Phú Riềng, huyện Đồng Phú nhập về huyện Phước Long.

Tháng 11/1996, kỳ họp thứ 10 - Quốc hội khóa IX phê chuẩn việc chia tách tỉnh Sông Bé để thành lập hai tỉnh là Bình Phước và Bình Dương, Phước Long là 1 trong 5 đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc tỉnh Bình Phước. Địa bàn Phú Riềng thuộc huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Ngày 11/8/2009, Chính phủ ban hành Nghị định 35/NQ - CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính cấp huyện, xã. Theo đó, huyện Phước Long được chia tách thành thị xã Phước Long và huyện Bù Gia Mập. Theo đó, địa bàn Phú Riềng thuộc huyện Bù Gia Mập.

Ngày 01/8/2015, Huyện Phú Riềng được thành lập theo Nghị quyết số 931/NQ-UBTVQH13, ngày 15/5/2015

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bù Gia Mập để thành lập mới huyện Phú Riềng. Huyện Phú Riềng có các đơn vị hành chính trực thuộc gồm các xã: Bình Sơn, Bình Tân, Bù Nho (huyện lỵ), Long Bình, Long Hà, Long Hưng, Long Tân, Phú Riềng, Phú Trung, Phước Tân.

Trải qua nhiều lần điều chỉnh địa giới hành chính, nhưng tên gọi Phú Riềng vẫn được giữ nguyên. Phú Riềng đang phát triển kinh tế - xã hội và đẩy mạnh đô thị hóa, xây dựng thành đầu mối trung tâm thương mại nơi giao lưu kinh tế, văn hóa quan trọng của huyện Phú Riềng. Người dân Phú Riềng từ khắp nơi tập hợp lại đã và đang viết tiếp những trang sử truyền thống tốt đẹp của mình trong đấu tranh và xây dựng quê hương.

II. Dân cư và truyền thống đấu tranh cách mạng trong lịch sử

1. Dân cư

Vùng đất Phú Riềng nói riêng và Nam Bộ nói chung vào cuối thế kỷ XVI, về cơ bản vẫn là vùng đất hoang vu chưa được khai phá. Nhưng qua các di chỉ khảo cổ học đất đắp dạng tròn trên địa bàn, có thể thấy vào thời tiền sử, ở vùng đất này đã có con người đến cư trú; chủ yếu là người S,tiêng cùng một số ít người Mạ, Mnông, Khmer... Họ sống rải rác theo từng buôn sóc và chủ yếu dựa vào săn bắn, hái lượm, làm nương rẫy, tía lúa theo phương thức du canh, du cư. Người S,tiêng là những người có công khai phá vùng núi Bà Rá.

Trước khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, trên vùng

đất rộng lớn vùng biên giới bao gồm Phước Long, Bù Gia Mập, Bù Đốp, Lộc Ninh, Phú Riềng mới chỉ có một ít đồng bào các dân tộc ít người sinh sống. Họ sống tập trung thành từng phum, sóc cặp theo các con sông, con suối với hoạt động sinh sống chủ yếu là trồng lúa, bắp, trồng bông, săn bắt và hái lượm...

Người S'tiêng chiếm số lượng đông đảo và sinh sống ở đây từ lâu đời nhất. Họ sống tập trung gồm một số gia đình trong một sóc nhỏ. Đồng bào S'tiêng tin vào "Giàng" (ông Trời), nên mọi quan hệ xã hội trong cộng đồng hoặc khi gặp ốm đau, hay thiên tai địch họa, đồng bào đều cầu xin Giàng phù hộ, cứu giúp. Trước kia, họ sống trong những ngôi nhà sàn, hoạt động kinh tế chủ yếu là đốt rẫy trồng lúa, tía bắp và mùa khô vào rừng hái lượm, gài bẫy săn thú. Ngày nay, được sự hướng dẫn của các cấp chính quyền, đồng bào S'Tiêng đã thực hiện đời sống mới, nhà cửa được xây dựng bằng gỗ, gạch. Nương rẫy cũng được canh tác theo phương pháp tiến bộ, mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Những tập tục mê tín, di đoan cũng dần được bãi bỏ.

Người Khmer cũng cư trú lâu đời trên mảnh đất này. Người Khmer thường làm rẫy, săn thú, nuôi trâu, bò làm sức kéo phục vụ sản xuất. Một bộ phận làm nghề buôn bán, thường dùng voi để vận chuyển. Ngày nay, đa phần đồng bào Khmer ở nhà trệt, sinh hoạt giống với người Kinh, biết trồng lúa nước cùng nhiều nghề khác.

Đồng bào các dân tộc Châu Ro, Châu Mạ, Hoa... cũng có mặt ở đây từ rất lâu, nhưng số lượng không đông và

thường sống xen kẽ với các dân tộc khác. Hiện nay, trên địa bàn huyện còn có cộng đồng các dân tộc Tày, Nùng,... ở phía Bắc vào từ những năm cuối của thế kỷ XX. Đến đây, họ cùng chung sống hòa nhập với cộng đồng các dân tộc anh em khác và mang theo những phong tục, tập quán của quê nhà, đã tạo nên sự đa dạng, phong phú về bản sắc văn hoá của cộng đồng các dân tộc thiểu số ở địa phương.

Người Kinh (Việt) đặt chân đến vùng đất này là những binh lính đồn trú nhà Nguyễn vào cai quản nơi đây (đầu thế kỷ XIX), nhưng thời điểm đó, họ chưa tạo thành một cộng đồng dân cư.

Ngay từ khi chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Biên Hòa, Gia Định, Định Tường), thực dân Pháp đã thiết lập bộ máy cai trị thực dân và ráo riết đẩy mạnh việc điều tra, khảo sát vùng rừng núi.

Đến những năm đầu thế kỷ XIX, khi triều đình nhà Nguyễn thiết lập cơ cấu hành chính và hệ thống đồn ải để quản lý, kiểm soát cư dân và lãnh thổ, người Kinh - trước tiên là binh lính đồn trú và gia đình của họ - mới có mặt ở nơi đây.

Sang đầu thế kỷ XX, các đại lý hành chính và đồn binh của Pháp lần lượt được thiết lập ở Bù Đốp (1905), Hớn Quản (1906), Sông Bé (1912) và nhất là sau khi trồng thử nghiệm thành công 8.000 cây cao su ở vườn Ông Yêm (thuộc Bến Cát - Thủ Dầu Một), tư bản Pháp đã đẩy mạnh việc chiếm đất để lập đồn điền cao su, làn sóng di cư của cộng đồng người Việt đến vùng đất này mới ngày càng

đông hơn.

Cùng với sự hình thành, phát triển ngày càng nhanh của các đồn điền cao su ở Phú Riềng, đã đánh dấu sự di dân, lớn đầu tiên của cư dân người Kinh (Việt) đến vùng đất này. Đặc biệt, từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), “cơn sốt cao su” bùng nổ, đồng nghĩa với việc phải có thật nhiều nhân công, bọn chủ tư bản đã cấu kết với chính quyền thực dân thực hiện các thủ đoạn lừa mỵ, mua chuộc, cưỡng bức nông dân ở các tỉnh miền Bắc, miền Trung vào làm công nhân trong các đồn điền cao su. Từ năm 1917 đến năm 1928, hàng ngàn người từ miền Bắc, miền Trung trở thành công nhân của đồn điền cao su ở đây.

Sau khi lập các đồn điền cao su trên vùng đất Phú Riềng - Thuận Lợi, tư bản Pháp được sự giúp sức của bọn thực dân ồ ạt tuyển công nhân là những nông dân nghèo ở một số tỉnh miền Trung, đồng bằng Bắc Bộ và đồng bào người dân tộc thiểu số tại chỗ. Bằng những thủ đoạn bóc lột tàn khốc, chúng đẩy người công nhân vào cuộc sống bi thảm (ăn uống kham khổ, thời gian làm việc kéo dài, bệnh tật hoành hành nhưng vẫn phải làm việc, không có thuốc uống, luôn bị đánh đập dã man vô cớ...), dẫn đến con số tử vong của công nhân cao su trong các đồn điền rất cao.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, với ý đồ biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự, đế quốc Mỹ đã chỉ đạo chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm tiến hành cải tổ việc bố trí dân cư và tổ chức xã hội ở vùng đất đỏ miền Đông nhằm tạo lá chắn bảo vệ Sài Gòn từ xa,

THƯ VIỆN TỈNH¹⁷
BÌNH PHƯỚC

ĐC / 237

đồng thời tạo bàn đạp tấn công tiêu diệt các căn cứ kháng chiến và tách nhân dân ra khỏi ảnh hưởng của cách mạng. Tại Phú Riềng, địch thực hiện di dân bằng biện pháp lừa mị như đưa đồng bào là tín đồ Công giáo miền Bắc, cưỡng ép nhiều gia đình từ vùng căn cứ kháng chiến Khu 5 miền Trung chủ yếu Quảng Nam, Quảng Ngãi vào đây.

Trong những năm 1956 - 1958, thực hiện chia rẽ cách mạng với quần chúng, Mỹ - Diệm, tiếp tục cưỡng bức nhiều gia đình từ vùng căn cứ kháng chiến Khu 5 (nhất là ở Quảng Nam, Quảng Ngãi) vào định cư ở những khu trọng điểm quân sự ở địa phương, tạo nên làn sóng di dân mới, hình thành các dinh điền Thuận Kiệm 1, 2, 3, 4, Bù Na, Bù Xia.... Đi đôi với chính sách gom dân lập khu dinh điền, khu trù mật là chính sách huỷ diệt môi sinh trên diện rộng, gây nhiều xáo trộn trong đời sống đồng bào các dân tộc ít người.

Giai đoạn 1972-1975, đồng bào từ các nơi chạy về Phước Long (trong đó có địa bàn huyện Phú Riềng ngày nay) cùng với số Việt kiều từ Campuchia bị bọn phản động Pôn Pốt lêng Xary đàn áp chạy về, làm cho dân số của huyện tăng lên gấp bội.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, để hàn gắn vết thương chiến tranh, phân bố lại dân cư, xây dựng các vùng kinh tế mới, Đảng và Nhà nước chủ trương vận động đồng bào thuộc một số tỉnh, thành như thành phố Hồ Chí Minh, Thái Bình, Hà Sơn Bình,...Tuyển mộ công nhân cao su như Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và di dân tự do cả 3 miền Bắc, Trung, Nam vào làm ăn sinh sống ở Phú

Riêng. Ngoài ra, đồng bào Việt Kiều Campuchia bị bọn phản động Pôn Pốt lên Xảy đàn áp chạy về, làm cho dân số của huyện tăng lên nhanh.

Từ những năm 90 của thế kỷ XX, hiện tượng di dân tự do của đồng bào các dân tộc phía Bắc vào các tỉnh miền Đông Nam Bộ ngày càng nhiều, nhất là những năm 1990 -1996; dân số huyện tăng nhanh đã tạo ra áp lực lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Sau khi chia tách huyện Phước Long để thành lập thị xã ngày 11-8-2009, diện tích còn lại của huyện Phước Long (cũ) được thành huyện mới Bù Gia Mập. Cuối năm 2009, dân số huyện Bù Gia Mập là (bao gồm cả huyện Phú Riềng ngày nay) 147.967 người. Trung tâm hành chính huyện đặt tại xã Phú Nghĩa.

Ngày 01/8/2015, dân số toàn huyện Phú Riềng là 96.487 người (trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 11,85%). Trung tâm hành chính huyện đặt tại xã Phú Riềng (nay chuyển về xã Bù Nho).

Hầu hết đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống ở địa bàn Phước Long, Bù Gia Mập trước đây thuộc tộc người S'tiêng, Khmer, Mnông sinh sống du canh, du cư, làm nhà ở gần nơi sản xuất. Người S'tiêng thường dựa vào nguồn nước để chọn đất làm nhà. Nhà ở thường là nhà sàn dài và thấp, dùng gỗ tốt không mối mọt làm cột kèo, xuyên tích, ràng buộc nhau bằng mây, lợp lá tranh. Mỗi nhà sàn đều có một số gia đình nhỏ ở chung theo quan hệ anh em ruột thịt, nơi ở từng gia đình nhỏ, ngăn cách bằng vách thô sơ; trong từng sóc, đứng đầu có già làng. Người S'tiêng còn

làm nhà chứa lúa ở nương rẫy, về sau họ đưa nhà chứa lúa về trước nhà ở. Dưới nhà sàn là nơi gia súc ở nên thường không đảm bảo vệ sinh gây ảnh hưởng đến sức khỏe.

Hiện tại, huyện Phú Riềng là nơi hội tụ của dân cư ở ba miền đất nước với sự đa dạng về bản sắc văn hoá riêng của các dân tộc anh em, trên nền tảng chung của văn hóa dân tộc Việt Nam: yêu quê hương đất nước, chịu thương chịu khổ, trọng nhân nghĩa, đoàn kết cùng xây dựng quê hương.

Như vậy, trải qua những biến động của lịch sử, đặc biệt là trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cứu nước của dân tộc, cộng đồng dân cư ở địa phương luôn gắn kết với nhau, anh dũng, bất khuất làm nên những trang sử vẻ vang. Với sự đa dạng về bản sắc văn hóa của mỗi vùng, miền, nhưng đều có nền tảng chung của truyền thống văn hóa Việt Nam là tình yêu quê hương đất nước, trọng nhân nghĩa, cần cù lao động, đoàn kết gắn bó... đã tạo nên những nét văn hóa độc đáo ở nơi đây.

2. Truyền thống đấu tranh cách mạng đến cách mạng Tháng 8-1945

Sau khi chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam kỳ và đặt bộ máy cai trị ở đây, thực dân Pháp bắt đầu thực hiện chính sách cai trị hà khắc, bóc lột dã man, bắt dân đi xây, đắp đường, chiếm đất lập đồn điền ở địa bàn Phước Long nói riêng. Với sự tàn bạo của chúng, biết bao người đã ngã xuống, đồng bào dân tộc thiểu số nơi đây không chịu nổi sự độc ác của chúng. Do bản tính tự do, phóng khoáng

giữa nơi thiên nhiên, núi cao, rừng rậm, suối ngọt, mưa nguồn, tâm hồn chất phác, thật thà nên sống dưới sự kiểm soát gắt gao, cướp đất, phá làng của người Pháp họ cảm thấy khó chịu, bách bức và tự phát đứng dậy đấu tranh.

Vào đầu thế kỷ XX, tại vùng núi Bà Rá những tù trưởng người S,tiêng thường mời những người Pháp vào nhà sàn dài của họ để cảnh báo cho người Pháp biết về tinh thần chống Pháp quyết liệt của tộc người S,tiêng ở đây, bằng cách họ cho bày sẵn các loại vũ khí như giáo mác, ná, tên tẩm thuốc độc và một đầu gà trống vừa mới bị chặt máu còn đỏ tươi cho những người Pháp thấy nhằm phát đi những tín hiệu báo cho người Pháp biết rằng dân làng đã sẵn sàng chiến đấu và sẽ chặt đầu kẻ thù nào muốn cướp đất làng của họ như chặt đầu con gà trống kia.

Các phong trào yêu nước của đồng bào các dân tộc thiểu số người S'tiêng, M'nông, Châu Mạ, Châu Ro... liên tiếp nổ ra chủ yếu là tự phát (tiêu biểu cuộc khởi nghĩa của N'Trang Long, R'Ding, N'ông - Leng, Điều Môn, Điều Mốt... diễn ra ở Bù Kơn, vùng sông Đăk Lung, khu vực Bà Rá...

Ngày 02/4/1914, thủ lĩnh N'Trang Long cùng nghĩa quân giết tên đại tá Hăng-ri-mét-tơ-rơ có nhiều nợ máu với đồng bào và đánh chiếm đồn Bu-mê-ra.

Năm 1925, đồng bào dân tộc S,tiêng đã cùng nhau vùng dậy giết tên quận trưởng người Pháp ở quận Bù Đốp là Gatille. Tên quận trưởng này là quận trưởng đầu tiên vừa tới nhậm chức tại đây vào năm 1924, một năm sau bị giết chết.

Tại quận Sông Bé, tên More quận trưởng thứ ba cũng áp dụng lời cai trị hết sức tàn ác, dã man cũng bị đồng bào dân tộc thiểu số người S,tiêng do ông Môn, ông Mốt lãnh đạo giết chết.

Sau cái chết của các tên quận trưởng ác ôn, thực dân Pháp đã trả thù bằng cách đem lính về lùng bắt những người nổi dậy ở các buôn sóc giết chết hoặc bỏ vào ngục, làm cho đồng bào rời bỏ buôn làng chạy vào rừng sâu lẩn tránh, mặc dù bị giết, đàn áp dã man nhưng chúng không khuất phục được ý chí đấu tranh của đồng bào nơi đây.

Sau khi lập các đồn điền cao su trên vùng đất Phước Long, tư bản Pháp được sự giúp sức của bọn thực dân chúng ồ ạt tuyển công nhân là những nông dân nghèo khổ ở một số tỉnh miền Trung, đồng bằng Bắc bộ và đồng bào người dân tộc thiểu số tại chỗ. Bằng những thủ đoạn bóc lột tàn khốc đẩy người công nhân vào cuộc sống bi thảm, họ ăn uống kham khổ, thời gian làm việc kéo dài, bệnh tật hoành hành nhưng phải làm việc, không có thuốc uống, luôn bị đánh đập vô cớ một cách dã man dẫn đến con số tử vong của công nhân cao su trong các đồn điền rất nhiều. Có áp bức nhất định sẽ có đấu tranh, tiêu biểu là cuộc nổi dậy của 120 công nhân ở Làng 2 đồn điền Phú Riềng giết chết tên Mông - Tây.

Thực hiện chủ trương “Vô sản hóa”, đầu năm 1928, đồng chí Nguyễn Xuân Cừ (tức Nguyễn Văn Vĩnh) đã tới đồn điền cao su Phú Riềng. Có vốn hiểu biết của một trí thức, lại nói tiếng Pháp giỏi, đồng chí Cừ được tên Lơ-bông (Xếp làng 3) rút lên làm bồi cho nó. Chiếm được

uy tín với Lơ-bông, đồng chí Cừ được quyền đi lại trong đồn điền và đi Sài Gòn thường xuyên để liên hệ với các tổ chức cách mạng.

Sau một thời gian tuyên truyền, phát triển hội viên, tháng 4 năm 1928, Chi bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đồn điền Phú Riềng được thành lập gồm 5 hội viên: Nguyễn Xuân Cừ, Trần Tử Bình, Phan Thu Hồng, đồng chí Tạ và đồng chí Hòa, do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm Bí thư. Đây là 5 trong số 500 hội viên và 1 trong 19 Chi bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Nam Kỳ lúc bấy giờ; đồng thời đây là tổ chức cách mạng đầu tiên được thành lập ở đồn điền.

Ngày 17 tháng 6 năm 1929, Đông Dương cộng sản Đảng thành lập, thông qua chính cương và tuyên ngôn của Đảng, đồng thời lấy tờ báo “Búa liềm” làm cơ quan ngôn luận.

Ngay sau khi thành lập, Đông Dương cộng sản Đảng đã phân công người vào miền Trung và miền Nam hoạt động xây dựng cơ sở Đảng. Đồng chí Ngô Gia Tự là người đại diện cho Trung ương lâm thời của Đông Dương cộng sản Đảng ở Nam Kỳ vào Sài Gòn làm phu khuân vác ở Chợ Lớn để vừa kiếm sống, vừa tạo địa bàn hoạt động. Đồng chí đã liên lạc với đồng chí Nguyễn Xuân Cừ ở Phú Riềng.

Thực hiện đường lối phát triển tổ chức Đảng của Đông Dương cộng sản Đảng, đồng chí Ngô Gia Tự chỉ đạo cho đồng chí Nguyễn Xuân Cừ thành lập Chi bộ Đông Dương cộng sản Đảng ở Phú Riềng vào ngày 28 tháng 10 năm

1929 tại khu rừng sau lưng làng 3. Chi bộ gồm có 6 đảng viên: Nguyễn Xuân Cừ, Trần Tử Bình và các đồng chí Tạ, Hồng, Hòa, Doanh. Đồng chí Nguyễn Xuân Cừ là Bí thư Chi bộ.

Sau khi ra đời, Chi bộ xây dựng nhiều nghiệp đoàn bí mật, Công hội đỏ. Hàng tháng cho ra tờ báo “Giải thoát” nội dung chính là truyền bá cách mạng, lưu hành bí mật công nhân. Ngoài ra, Chi bộ còn xây dựng được đội thanh niên Xích vệ. Đây là lực lượng bán vũ trang được biên chế thành nhiều tiểu đội, mỗi tiểu đội ứng với một làng công nhân để bảo vệ quyền lợi chính đáng cho anh em công nhân.

Chi bộ phân công đồng chí Trần Tử Bình phụ trách Tổ thanh niên xích vệ đội, đồng chí Tạ phụ trách làng 2, đồng chí Hồng phụ trách nghiệp đoàn, đồng chí Doanh phụ trách làng 3, đồng chí Hòa phụ đồng chí Hồng trong công tác vận động công nhân ở Ga-ra ô tô.

Chi bộ Phú Riềng rất quan tâm đến việc bồi dưỡng, phát triển đảng viên mới, trong cuộc mít tinh kỷ niệm ngày Cách mạng Tháng Mười Nga (07/11/1929), Chi bộ đã kết nạp đồng chí Nguyễn Mạnh Hồng vào Đảng. Ngoài ra, Chi bộ còn giới thiệu nhiều công nhân tốt khác để đồng chí Ngô Gia Tự huấn luyện tung đi nơi khác. Đó là những “Hạt giống đỏ” kết tinh từ phong trào đấu tranh anh dũng của công nhân Phú Riềng.

Đến cuối năm 1929, đồng chí Nguyễn Xuân Cừ bị đế quốc trục xuất, đồng chí Trần Tử Bình được chỉ định làm Bí thư Chi bộ lãnh đạo công nhân chuyển thể đấu tranh

với bọn chủ sở và bọn tay chân của chúng.

Từ khi Chi bộ Đảng ở Phú Riềng ra đời, các cuộc đấu tranh ở đây đã hoàn toàn mang tính tự giác với phạm vi và hình thức đấu tranh ở nhiều mức độ khác nhau. Chi bộ Phú Riềng đã tiếp tục lãnh đạo nhiều cuộc đấu tranh với nhiều hình thức phong phú, kết hợp đấu tranh kinh tế với khẩu hiệu đấu tranh chính trị như đòi bỏ thuế thân... Nhờ đó, đời sống công nhân đỡ một phần khổ cực và họ cùng đoàn kết chặt chẽ xung quanh Chi bộ. Các cuộc đấu tranh của công nhân phát triển dần từ thấp tới mức độ cao.

Chi bộ hợp với Nghiệp đoàn nhiều lần để thống nhất ý chí, hành động trong công nhân, bàn về mục đích, phương châm và yêu sách cuộc đấu tranh.

Sáng mùng 1 Tết, tức 30 tháng 01 năm 1930, Đoàn thị uy của 5 làng công nhân do các Tiểu đội trưởng Xích vệ chỉ huy múa lân vừa tiến đến sân nhà tên chủ sở Xu-ma-nhắc để “Chúc tết chủ”. Thực hiện tổng bãi công, Xu-ma-nhắc biết rõ đó là yêu sách đấu tranh dưới hình thức chúc tết. Hắn rất tức tối nhưng vẫn phải hứa sẽ giải quyết. Công nhân trật tự ra về với thắng lợi hoàn toàn. Trong 3 ngày tết, nghiệp đoàn biến những sinh hoạt vui xuân thành những cuộc sinh hoạt nghiệp đoàn, nói chuyện. Cờ đỏ búa liềm treo công khai làm cho công nhân và đồng bào vô cùng phấn khởi. Khí thế cách mạng lên cao, lôi kéo hết toàn bộ công nhân các làng và cả dân chúng tham gia.

Ngày mùng 4 tết (03/02/1930), Chi bộ ra lệnh bãi công, trong lúc đó, anh Cảo ở làng 9 bị cai Tây đánh chết, anh cai Lự đuổi đánh tên mật thám bị bọn cai Tây bắt gán

cho tội ăn trộm. Chi bộ lập tức phát động công nhân đòi nghỉ việc để đưa đám anh Cảo. Cuộc bãi công trở thành cuộc biểu tình rầm rộ. Công nhân kéo lên chủ sở đòi đền mạng và chấp nhận yêu sách. Chủ nhất Xu-ma-nhắc đóng cửa không dám ra. Công nhân cùng Đội Xích vệ làng 2 vây chặt nhà chủ sở. Chúng hoảng sợ phải gọi đồn Phú Riềng đến giải vây.

Sáng ngày 04/02/1930, quận trưởng cảnh sát Mô-re dẫn 25 lính khố đỏ vào đàn áp công nhân. Cuộc xô xát xảy ra, Mô-re cùng bọn lính bị công nhân đánh phải bỏ chạy. Họ tước 7 súng, bắt 5 tên giải về nhà chủ sở. Xu-ma-nhắc sợ hãi phải chấp nhận ngay yêu sách. Biên bản được ký ngay giữa chủ và công nhân.

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, tư bản đồn điền cao su Pháp ở Việt Nam phải ký vào biên bản chấp nhận yêu sách đấu tranh của công nhân.

Sau thắng lợi đó, công nhân tự phát đẩy lên hành động khởi nghĩa chiếm luôn các cơ sở của đồn điền, xông vào nhà chủ nhất đốt sạch giấy tờ sổ sách và các bản công tra. Suốt ngày 05/02/1930, nghiệp đoàn và công nhân quản lý toàn bộ đồn điền thay chính quyền của bọn chủ sở.

Trong lúc đó, bọn địch xin Biên Hòa và Sài Gòn ứng cứu. Đồng chí Ngô Gia Tự nắm được tình hình về sự bột phát khởi nghĩa ở Phú Riềng qua báo chí và báo cáo của đồng chí Cừ, lập tức chỉ đạo uốn nắn phong trào.

Ngày 06/02/1930, Công sứ Biên Hòa Mác-ty, Thống đốc Nam Kỳ Cre-hây-me và Chánh mật thám Đông Dương Ác-nu đi xe bọc thép cùng 20 ô tô chở 800 lính kéo về

Phú Riềng hòng bóp chết “khu đỏ”. Nhưng thật sự bất ngờ! Không có một dấu hiệu nào của “sự nổi loạn” cả, công nhân vẫn sinh hoạt bình thường. Chúng tập trung công nhân lại tra hỏi nhưng trước những câu trả lời đầy lý lẽ của công nhân chúng đành cho quân rút khỏi Phú Riềng. Tuy nhiên bọn địch đã cài lại rất nhiều mật thám, chỉ điểm, nên đa số các đồng chí trong Chi bộ và Ban chấp hành Nghiệp đoàn bị phát hiện. Các đồng chí Bình, Hồng, Danh, Tạ lần lượt bị địch bắt. Trước tòa án Biên Hòa và tòa Đại hình Sài Gòn, các đồng chí đã nêu cao khí phách anh hùng và dũng khí đấu tranh của công nhân Phú Riềng mặc dù bị tòa án Thực dân kết án tù nhiều năm, thậm chí bị chúng xử tử.

Cuộc đấu tranh của công nhân Phú Riềng đạt được kết quả to lớn, có ảnh hưởng rộng rãi và để lại nhiều bài học quý. Lần đầu tiên, một Chi bộ lãnh đạo được 5.000 công nhân đấu tranh kinh tế, kết hợp với đấu tranh chính trị và đã biết chuyển hướng chiến lược khi cuộc đấu tranh tự phát chuyển sang bạo động, tránh được những tổn thất to lớn. Đây là cuộc bãi công lớn nhất trong cả nước lúc này. Cuộc đấu tranh của công nhân Phú Riềng “đã góp phần thúc đẩy phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam lên một bước phát triển mới” và Phú Riềng đỏ đã để lại những bài học thành công cho kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng ta sau này.

Sau tháng 2 năm 1930, chủ sở đổi tên Phú Riềng thành Thuận Lợi với ý đồ xóa hẳn truyền thống Phú Riềng đỏ trong lòng người dân Việt Nam. Tên Sa-le về làm chủ sở

thay Xu-ma-nhắc đứng trước những khó khăn lớn. Chúng cho công nhân cũ hạn chế về Bắc, chuyển đi nơi khác, tuyển công nhân mới nhằm làm giảm “chất đỏ” ở đây, đồng thời xây dựng đồn điền rộng rãi hơn. Tuy nhiên, chế độ roi vọt và chế độ làm việc của anh em công nhân vẫn không khác trước.

Từ năm 1931 - 1938, nhiều cuộc đấu tranh lẻ tẻ xảy ra như đình công, bắt trời bọn Cai, Xu... trong đó có cuộc biểu tình lớn của 150 công nhân cao su Thuận Lợi vào ngày 04 tháng 5 năm 1938 đòi chủ không được đánh đập, không được bán hàng đắt cho công nhân. Từ năm 1939 trở đi, phong trào có lắng xuống nhưng mâu thuẫn giữa công nhân và tư bản, giữa những người dân mất nước và kẻ đi xâm lược vẫn ngày thêm gay gắt.

Tiêu biểu là phong trào chống thực dân Pháp của đồng bào dân tộc vùng Bà Rá - Phú Riềng trong giai đoạn cuối của phong trào N'Trang-Lơng với vụ giết tên quận trưởng Mô-ri-e. Căm thù trước những hành động tàn ác của kẻ thù, một thanh niên S'tiêng thuộc tầng lớp giàu có ở làng Bù Rịnh là Điều Sơn cùng hai anh em Điều Môn, Điều Mốt ở ấp Bù Xum đã vận động được khoảng 200 dân làng và nghĩa quân các sóc quanh vùng nổi dậy giết tên Mô-ri-e trong một trận phục kích ngày 02 tháng 10 năm 1933.

Sau khi tên Mô-ri-e bị đền tội, những người lãnh đạo trong phong trào chống thực dân Pháp đã đưa dân vào rừng để tránh sự khủng bố của địch. Thực dân Pháp liền nắm Tổng Ôn làm con tin và cho máy bay quần đảo khắp rừng đe dọa ném bom hủy diệt nếu đồng bào không chịu

nộp những người đã giết Mô-ri-e cho chúng. Ba thanh niên tham gia giết Mô-ri-e là Điều Sơn, Điều Môn, Điều Một hợp với dân làng và quyết định ra nộp mình cho Pháp để cứu đồng bào khỏi cảnh tàn sát. Thực dân Pháp bắt Điều Sơn giam tại nhà tù Bà Rá, Điều Một bị đày đi Côn Đảo rồi hy sinh, Điều Môn trốn vào rừng rồi chết vì bệnh sốt rét.

Ba thanh niên ấy đã nêu tấm gương sáng ngời về lòng yêu nước, thương dân và ý chí chống giặc ngoại xâm cho đồng bào noi theo. Tinh thần anh dũng ấy có tác dụng động viên ý thức dân tộc của đồng bào trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Năm 1939, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Trước tình hình đó, tháng 11 năm 1939 Đảng ta triệu tập Hội nghị nhằm chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, xác định kẻ thù chủ yếu và nội dung hình thức tổ chức mặt trận.

Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập, đánh dấu bước phát triển về chất trong tiến trình vận động của cách mạng Việt Nam. Ngày 09 tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chính Pháp. Quân Pháp hèn nhát nhanh chóng đầu hàng và hợp tác với Nhật. Chính quyền phát xít Nhật thành lập tại Biên Hòa cầm đầu tiến hành 3 chủ trương tàn bạo ở địa phương là: Cướp bóc về kinh tế, chia rẽ về chính trị và tiến công về quân sự.

Ở phía Bắc tỉnh, Hội công nhân cứu quốc ở các sở cao su Lộc Ninh, Thuận Lợi, Quản Lợi trước ngày 09 tháng 3 năm 1945 chỉ có một số hội viên, đến giữa tháng 5 năm 1945 hầu hết đã là hội viên cứu quốc. Các hội viên diễn

thuyết chính trị công khai tại các làng, một số công nhân còn tham gia đoàn thanh niên tiên phong.

Ngày 15-8-1945, Phát xít Nhật đầu hàng đồng minh vô điều kiện. Ngày 20 tháng 8 năm 1945, Tỉnh ủy họp quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa tỉnh và cơ sở. Hội nghị đề ra: ngày 25 tháng 8 giành chính quyền ở Thị xã. Các thị trấn, đồn điền cao su đồng thời tiến hành hoặc sớm hơn tùy theo điều kiện từng nơi. Trong hai ngày 24 và 25 tháng 8, ta giành chính quyền ở Bến Cát, Bà Rá và các đồn điền cao su.

Sáng ngày 25-8-1945, hàng ngàn công nhân các làng sở cao su ở Phú Riềng đã cùng đồng bào Kinh, Thượng, nòng cốt là lực lượng Thanh niên quyết chiến, lực lượng tự vệ do đồng chí Nguyễn Đình Kính là công nhân cao su đứng ra thành lập Đoàn Thanh niên Tiên phong giữ vai trò nòng cốt bảo vệ đồn điền, bảo vệ công nhân, thành lập chính quyền cách mạng tại đồn điền. Từng đoàn người cầm gậy gộc, xà beng, giáo mác, cung nỏ tiến vào các nhà máy, xí nghiệp đồn điền cao su và các cơ sở sản xuất. Đoàn người leo tường, vượt rào vào các công sở, căng khẩu hiệu: “Chính quyền về tay Việt Minh”, “Việt Nam độc lập muôn năm”, “Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm”, chiếm các trụ sở hành chính, trụ sở cảnh sát.

Cùng với cuộc khởi nghĩa ở Phú Riềng, các nơi khác như Bà Rá, Hớn Quản, Tân Uyên, Lái Thiêu, Bến Cát... cũng nổi dậy giành chính quyền trong buổi sáng ngày 25-8-1945. Riêng Lộc Ninh, ta cướp chính quyền từ tay phát xít Nhật ngày 24-8-1945. Ngay tối hôm ấy, lễ mừng thắng

lợi và truy điệu những chiến sĩ đã hy sinh được tổ chức rất trang trọng và tôn nghiêm. Lực lượng Thanh niên quyết chiến và lực lượng “Việt Nam mới” tập hợp khoảng 300 người do đồng chí Lê Đức Anh chỉ huy, trang bị thêm một số súng vừa thu được cùng với giáo mác, tầm vông, vạc nhọn... kéo xuống thị xã Thủ Dầu Một, tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh lỵ.

Rạng sáng ngày 25-8-1945, khoảng 5 vạn người của các huyện trong tỉnh tham gia cuộc mít tinh được tổ chức tại trung tâm thị xã cùng với rừng cờ đỏ và biểu ngữ. Sau khi cuộc khởi nghĩa giành được thắng lợi, các đồng chí Lê Đức Anh, Ba Quyên (lái xe), Ba Anh (công nhân), Ba Đền, Cầu, Kỳ, Ngàn, những người lãnh đạo và hạt nhân của phong trào trở thành những người phụ trách các công việc về chính quyền.

Cách mạng Tháng 8 năm 1945 thắng lợi đưa dân ta từ người nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Lần đầu tiên sau gần 100 năm thống trị của thực dân Pháp, nhân dân Phú Riềng được sống trong độc lập, tự do.

CHƯƠNG I

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TUYÊN TRUYỀN, LỰC LƯỢNG VŨ TRANG PHƯỚC LONG - PHÚ RIỀNG TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ (1945 - 1975)

I. Lực lượng vũ trang tuyên truyền Bà Rá - Phú Riềng ra đời và hoạt động (1945-1954)

1. Lực lượng vũ trang tuyên truyền Bà Rá - Phú Riềng xây dựng, chiến đấu trong giai đoạn đầu kháng chiến (1945-1947)

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945, nước Việt Nam từ một nước thuộc địa đã trở thành một quốc gia độc lập, nhân dân Việt Nam từ thân phận người nô lệ mất nước trở thành người dân tự do, người làm chủ vận mệnh của dân tộc. Hòa chung niềm vui độc lập của nhân dân cả nước trong những ngày đầu sau cách mạng, nhân dân vùng bắc Thủ Dầu Một, Biên Hòa gồm các quận Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp⁽¹⁾, đã hăng hái tham gia vào công cuộc xây dựng chính quyền mới, ổn định an ninh, trật tự, khôi phục sản xuất và bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng vừa giành được.

Nhưng ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, thực dân Pháp hiếu chiến đã trở lại xâm lược nước

(1) Trong những năm 1945-1954, tỉnh Bình Phước ngày nay bao gồm một số quận của hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một. Khu vực Bình Long và một phần Lộc Ninh được gọi là quận Hớn Quản, phía đông bắc Lộc Ninh là quận Bù Đốp thuộc tỉnh Thủ Dầu Một. Khu vực Đồng Phú, Phước Long, Bù Đăng, Bù Gia Mập, Phú Riềng thời kỳ này thuộc quận Bà Rá thuộc tỉnh Biên Hòa. Từ năm 1951 trở đi, theo hệ thống tổ chức của cách mạng, hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa được hợp nhất thành tỉnh Thủ Biên, các quận trên đều thuộc tỉnh Thủ Biên.

ta lần nữa hòng bóp chết nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ngay từ khi mới chào đời. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, tiếng súng xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp đã nổ ở Sài Gòn; ngày 25 tháng 10 năm 1945 Pháp đánh chiếm Thị xã Thủ Dầu một. Trong thời gian này, khu vực đồn điền Phú Riềng - Thuận Lợi vẫn là khu an toàn, là căn cứ tập kết của bộ đội ta. Cuối năm 1945, cơ quan quân sự khu và một đơn vị vũ trang của ta về đóng ở Phú Riềng. Lực lượng này cùng quân dân Phú Riềng củng cố các tổ chức, luyện tập quân sự, khẩn trương chuẩn bị mọi mặt cho cuộc chiến đấu. Lúc này Phú Riềng đã trở thành chiến khu đầu tiên ở Đông Nam Bộ có tác dụng rất lớn đối với phòng trào chuẩn bị kháng chiến ở địa phương. Hàng trăm công nhân ở Thuận Lợi được tuyển vào bộ đội và đem theo nhiều máy móc, lương thực đến vùng Lạc An, Mỹ Lộc, Tân Định... lập chiến khu Lạc An để cùng quân dân tỉnh Biên Hòa chống thực dân Pháp.

Ở Phú Riềng có một vị trí rất quan trọng, là nơi thông thương tiếp viện giữa Sài Gòn với Tây Nguyên. Trước khi đi Tây Nguyên, chúng thường dùng máy bay trinh sát dọn đường. Tất cả các máy bay đều phải dùng sân bay Thuận Lợi (được Pháp xây dựng từ năm 1930) để làm nơi nghỉ chân, đổ xăng dầu tiếp tế. Đồng thời Phú Riềng có giá trị như một chốt điểm, số công nhân đông là nơi ta dựa vào để xây dựng cơ sở cách mạng ngay trong trung tâm đồn điền làm nơi tiếp tế lương thực và cung cấp tin tức cho ta.

Riêng đồn điền Phú Riềng là nơi tiếp tế lương thực, thực phẩm, vũ khí đạn dược cho cách mạng. Tại các lô cao

su ở xa, cán bộ đội viên của phân đội 10 huyện Sông Bé như Đỗ Bồng Long, Lý Quối thường xuyên tập hợp công nhân nói chuyện tuyên truyền về đường lối kháng chiến, kêu gọi quyên góp ủng hộ cách mạng. Những cuộc sinh hoạt bí mật đó đều được công nhân bảo vệ và nó có tác dụng giữ niềm tin, cổ vũ nhiệt tình cách mạng trong công nhân. Họ đứng dậy đấu tranh bằng nhiều hình thức như đốt vườn cây, bầm thân cây cao su.

Sau khi chiếm được Thủ Dầu Một, trong hai tháng 11 và 12/1945 quân Pháp liên tục mở nhiều cuộc tiến công vào các đồn điền cao su thuộc các quận Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp. Đặc biệt, ngày 25/12/1945, quân Pháp mở cuộc tiến công quy mô lớn, chia làm hai hướng, đánh chiếm các vùng cao su. Hướng thứ nhất từ thị xã Thủ Dầu Một đánh lên, hướng thứ hai từ thị xã Tây Ninh đánh qua tạo thành hai gọng kìm hòng nhanh chóng chiếm được vùng địa bàn trọng yếu này⁽²⁾. Với sự chuẩn bị từ trước, quân dân các quận Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp đã chiến đấu kiên cường, gây cho địch nhiều tổn thất. Tuy nhiên, do lực lượng về lực lượng và trang bị, với một bên là quân đội viễn chinh nhà nghề được trang bị hiện đại với một bên là những người công nhân cao su và du kích địa phương chỉ với gậy gộc, giáo mác, tầm vông vót nhọn, nên cuối cùng thực dân Pháp vẫn làm chủ được tình hình. Lực lượng kháng chiến buộc phải tạm rút để bảo toàn lực lượng. Đến tháng 2/1946, về cơ bản, thực dân Pháp đã chiếm xong các quận Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp.

Sau khi chiếm đóng, Bà Rá trở thành đầu cầu nối liền Sài Gòn - Trung tâm đầu não chiến tranh của Pháp ở Nam

Bộ với địa bàn chiến lược Tây Nguyên rộng lớn. Vì vậy, trong thời gian này từ Phước Hòa đến quận lỵ Bà Rá, Pháp xây dựng hàng loạt đồn bót lớn nhỏ dọc theo đường 14. Riêng ở Đồng Xoài, chúng đóng chốt một đại đội cơ động để ứng cứu cho các vùng xung quanh. Ý đồ của giặc Pháp ở đây là ngoài sự khống chế trong khu vực này còn nhằm biến nơi đây thành trạm nghỉ chân và bảo vệ an toàn cho sự thông thương của các đoàn Công-voa từ Sài Gòn lên Buôn Mê Thuột (Tây Nguyên). Tại đồn điền Thuận Lợi, ngoài lực lượng cơ động ứng chiến với hơn một trung đội lính của chủ sở, tại các làng công nhân còn có hệ thống đồn bót canh giữ. Pháp thường xuyên duy trì một tiểu đoàn, đóng đồn bót khắp các khu vực dọc quốc lộ 14 từ Phước Hòa, Phước Vĩnh, Đồng Xoài đến quận Bà Rá.

Sau khi chiếm cứ xong các vị trí trọng yếu về quân sự, thực dân Pháp tăng cường các tổ chức tề điệp, tổ chức lại bộ máy cai trị địa phương; đồng thời đẩy mạnh các hoạt động khủng bố, thi hành hàng loạt các cuộc bắn giết trả thù, lùng bắt những người tham gia cách mạng. Pháp cho thành lập nhiều trại tù để dùng làm nơi giam giữ tù đầy những người tham gia cách mạng, những người mà họ cho là “phản tử nổi loạn”.

Tại các vùng đồng bào dân tộc ít người, một mặt,

(2) Các quận Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp là nơi tập trung nhiều đồn điền cao su như: Lộc Ninh, Hớn Quản, Thuận Lợi, Đa Kia, Bù Đốp... một nguồn nguyên liệu đem lại giá trị kinh tế to lớn. Đây cũng là địa bàn trọng yếu về quân sự với địa bàn rừng núi, dân cư thưa thớt, giao thông liên lạc khó khăn, có thể trở thành một căn cứ địa kháng chiến. Mặt khác, đây cũng là nơi có đường xe lửa Sài Gòn - Lộc Ninh cùng với các nhiều tuyến giao thông chiến lược quan trọng như quốc lộ 13, quốc lộ 14 chạy dài từ Bắc đến Nam nối liền Bình Phước với các tỉnh Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên và Campuchia.

thực dân Pháp dùng nhiều chiêu bài, thủ đoạn lừa mị, mua chuộc, dụ dỗ; mặt khác tăng cường bộ máy kèm kẹp tại các các phun, sóc, trấn áp ngay các hành động chống đối... Đặc biệt, Pháp cho thi hành nhiều chính sách nhằm làm chia rẽ, khoét sâu mâu thuẫn giữa người Thượng với người Kinh, kích động để đồng bào giết hại, chỉ điểm cán bộ, đảng viên người Kinh...

Tình hình trên đây đã đặt nhân dân bắc Thủ Dầu Một, Biên Hòa đứng trước tình thế phải tiếp tục đấu tranh, xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng còn non trẻ. Ngày 25-10-1945, Xứ ủy Nam Bộ triệu tập Hội nghị mở rộng tại Cái Bè (Mỹ Tho) do đồng chí Hoàng Quốc Việt chủ trì. Hội nghị đề ra nhiệm vụ lãnh đạo đẩy mạnh cuộc kháng chiến và quyết nghị một số biện pháp nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách của cuộc kháng chiến. Đó là chấn chỉnh tổ chức, tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong từng cấp ủy địa phương, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt, trước hết là việc xây dựng lực lượng vũ trang. Hội nghị xác định nguyên tắc: Quân đội cách mạng phải đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng.

Tháng 10 năm 1945, ở khu vực Phú Riềng - Thuận Lợi được Trung ương Đảng phái 2 cán bộ cao cấp là Vũ Đức và Nguyễn Bình vào Nam Bộ (đồng chí Nguyễn Bình, đặc phái viên của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa vào miền Nam xây dựng, thống nhất các lực lượng vũ trang). Ngày đầu vào Nam Bộ, đồng chí Vũ Đức xây dựng căn cứ lực lượng vũ trang Thuận Lợi - Phú Riềng. Những ngày đầu, ta đã đánh lui nhiều đợt tấn công của địch, sau đó bộ đội ta do đồng chí Vũ Đức chỉ huy rút về miền Tây⁽³⁾.

Ngày 20-11-1945, đồng chí Nguyễn Bình với danh nghĩa phái viên của Trung ương triệu tập Hội nghị quân sự Nam Bộ tại xã An Phú (Hóc Môn-Gia Định) nhằm thống nhất quân đội, thống nhất chỉ huy và vạch chương trình hành động, phân chia khu vực hoạt động cho các đơn vị vũ trang và nhấn mạnh đến việc đoàn kết toàn dân, đoàn kết các giáo phái, chống lại chính sách chia rẽ lương giáo của địch. Hội nghị nhất trí cử đồng chí Nguyễn Bình làm Tổng Tư lệnh giải phóng quân Nam Bộ, quyết định biên chế các lực lượng vũ trang Nam Bộ thành 25 chi đội, lấy phiên hiệu từ 1 đến 25 (tương đương trung đoàn).

Mỗi chi đội chịu trách nhiệm 1 tỉnh. Theo đó, Chi đội 10 của Biên Hòa được thành lập. Ban chỉ huy chi đội gồm các đồng chí: Chi đội trưởng Huỳnh Văn Nghệ; Chi đội phó Huỳnh Văn Đạo, Nguyễn Văn Lung, Cao Minh Căng; Chính trị viên Phạm Đình Công. Chi đội 10 tổ chức thành 3 đại đội A, B, C quân số 1.100 người. Trong đó, Đại đội A do đồng chí Võ Tinh Quân làm đại đội trưởng; đồng chí Nguyễn Văn Quang làm đại đội phó; Nguyễn Đình Vị làm chính trị viên địa bàn hoạt động là chiến khu Đ, Tân Uyên và Bà Rá.

Ngày 10-12-1945, Xứ ủy Nam Bộ triệu tập Hội nghị mở rộng tại Bình Hòa Nam (Đức Huệ, Long An) bên sông Vàm Cỏ Đông. Hội nghị quyết định giải thể Ủy ban kháng chiến Nam Bộ, thành lập Ủy ban kháng chiến miền Nam do đồng chí Cao Hồng Lĩnh làm Chủ tịch, chia Nam Bộ thành ba khu 7, 8, 9. Khu 7 được thành lập gồm: Sài Gòn,

(3) Theo Hồi ký của đồng chí Lê Đức Anh, NXB Chính trị Quốc gia, năm 2015, trang 55.

Chợ Lớn, Gia Định, Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, và Tây Ninh, do Nguyễn Bình làm Khu bộ trưởng, Dương Văn Dương làm Khu bộ phó, Trần Xuân Độ làm Chính trị bộ ủy nhiệm. Hệ thống lãnh đạo của Đảng và hệ thống quân sự được kiện toàn thống nhất từ trên xuống, có tác dụng to lớn trong việc củng cố xây dựng các lực lượng vũ trang ở các địa phương. Sự hình thành Khu 7 tạo nên mối liên kết giữa các địa phương trong khu vực Đông Nam Bộ nhằm tăng cường sức mạnh và giúp đỡ lẫn nhau, tạo nên một bước ngoặt quan trọng trong việc tổ chức lực lượng kháng chiến ở Nam Bộ nói chung và từng địa phương nói riêng.

Chi đội vũ trang của tỉnh Thủ Dầu Một ra đời lấy tên là Chi đội 1 do Huỳnh Kim Trương làm Chi đội trưởng. Nguyễn Văn Thi làm Chi đội phó, Vương Anh Tuấn, Chính trị viên đã làm lễ ra mắt ở Chiến khu An Sơn vào ngày 25-12-1945. Chi đội 1 bao gồm nhiều thành phần tham gia: công nhân, nông dân, viên chức, trí thức, giáo viên, học sinh, Thanh niên Tiền phong và một số lính Nhật,... với tổng số 500 cán bộ, chiến sĩ được trang bị 110 súng trường, 10 súng phun lửa, 4 súng máy, 100 lựu đạn, 15 súng lục và nhiều đạn dược.

2. Hoạt động vũ trang tuyên truyền ở Bà Rịa - Phú Riềng trong những năm 1947 - 1950

Từ cuối năm 1945, Khu 7 cử một đơn vị vũ trang do Vũ Đức làm tư lệnh trưởng về đóng ở Thuận Lợi, xây dựng một nơi đứng chân trên địa bàn thuận lợi này, tiến tới thành lập một chiến khu với căn cứ Thuận Lợi là trung tâm ⁽⁴⁾. Từ căn cứ Thuận Lợi, hàng trăm công nhân cao su ở các đồn

điền được tuyển vào lực lượng vũ trang đem theo nhiều máy móc, lương thực đến vùng Mỹ Lộc, Lạc An, Tân Định lập chiến khu Lạc An (Biên Hòa).

Trước chuyển biến tình hình có lợi cho kháng chiến, để tránh chông chéo chức năng với chính quyền, Ban chỉ huy Chi đội 10 Biên Hòa chuyển các quận quân sự thành các Ban công tác liên thôn, có đội du kích tập trung, là tiền thân của các quân đội dân quân sau này. Dưới các Ban công tác liên thôn là các ban công tác xã có du kích xã (tiền thân của các xã đội). Ban công tác liên thôn là một tổ chức quân sự giúp việc cho Ủy ban hành chính quận, nhưng do Ban chỉ huy Chi đội 10 chỉ huy và quyết định về kế hoạch hoạt động. Từ năm 1946, căn cứ Thuận Lợi (Phước Long) là nơi đứng chân thường xuyên của Ban công tác liên thôn 7 của Chi đội 10 Biên Hòa với gần một trung đội do đồng chí Đỗ Bồng Long làm trưởng ban; Lý Quới và Lê Văn Thước làm Phó ban.

Tháng 4/1946, Khu ủy Khu 7 chỉ định thành lập Tỉnh ủy Biên Hòa do Trần Minh Trí làm Bí thư. Đến đây, cuộc kháng chiến của quân dân Phước Long (ngày nay) được tiến hành dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Biên Hòa. Tại Biên Hòa, lực lượng vũ trang tỉnh do Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy cũng trở về gây dựng lại cơ sở cách mạng và cơ sở vũ trang trong vùng địch tạm chiếm.

Từ giữa năm 1946, trước tình hình gặp nhiều bất lợi ở

(4) Thuận Lợi có một vị trí khá quan trọng, là nơi thông thương tiếp viện giữa Sài Gòn và Tây Nguyên. Để đi Tây Nguyên Pháp phải qua Phước Hòa, Phước Vĩnh, rồi theo quốc lộ 15 lên Ban Mê Thuột. Đồng thời, Thuận Lợi có giá trị như một chốt điểm làm nơi nghỉ chân và làm bàn đạp tỏa đi các nơi khác, là nơi có số lượng công nhân khá đông.

vùng chiến khu rừng núi phía bắc, lực lượng vũ trang cách mạng quyết định chuyển về hoạt động ở vùng địch tạm chiếm, làm vũ trang tuyên, diệt tề trừ gian, tổ chức lại cơ sở quần chúng...

Cũng trong thời gian này, các tổ chức nghiệp đoàn của công nhân cao su tại các đồn điền Lộc Ninh, Bù Đốp, Hớn Quản, Thuận Lợi, Đa Kia (với nhiều tên gọi khác nhau như Ủy ban công nhân, Nông dân cứu quốc, Nghiệp đoàn...) đã thống nhất thành Liên hiệp nghiệp đoàn cao su miền Đông Nam Bộ với nhiệm vụ củng cố và phát triển tổ chức công đoàn và các tổ chức cách mạng khác trong đội ngũ công nhân, vận động thanh niên tham gia lực lượng vũ trang kháng chiến và lãnh đạo các phong trào đấu tranh của công nhân cao su. Cùng với sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng, Liên hiệp nghiệp đoàn cao su miền Đông Nam Bộ ở quận Hớn Quản, Bù Đốp, Bà Rá đã xây dựng nhiều tổ chức bí mật bên trong đồn điền cao su với nhiệm vụ phá hoại vườn cây, cơ sở sản xuất, chế biến cao su của Pháp. “Mặt trận cao su chiến” trở thành khẩu hiệu đấu tranh của công nhân cao su, biến đồn điền cao su thành chiến trường tiêu diệt giặc.

Tại các đồn điền, mặc dù trong hoàn cảnh thiếu thốn, nhưng nhiều hình thức lấy tài sản của Pháp, gồm thuốc men, gạo, vải vóc, gửi vào chiến khu cho bộ đội đã phát triển rộng khắp các đồn điền. Mỗi đồn điền đều thành lập Ban vận động tiếp tế làm nhiệm vụ quyên góp và vận chuyển ra căn cứ. Phong trào rầm rộ đến nỗi thực dân Pháp phải áp dụng nhiều biện pháp để ngăn chặn như lập ra “nhà ăn công nhân” (thực chất là để tránh phát gạo cho công

nhân), hay giám sát uống thuốc tại chỗ của công nhân khi bị bệnh (để ngăn ngừa chặn việc công nhân giả vờ bệnh để xin thuốc gửi cho ra chiến khu)...

Giai đoạn từ sau cách mạng tháng Tám 1945 đến năm 1947 ở Phú Riềng là thời kỳ quân và dân các quận Bà Rá đã từng bước khắc phục những khó khăn, kiên cường đấu tranh và xây dựng, chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến chống quân đội thực dân Pháp tái xâm lược, bảo vệ thành quả cách mạng vừa giành được.

Đêm 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời Kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Người nói: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”... Lời kêu gọi của Bác Hồ là tiếng gọi của non sông đất nước, là ánh đuốc soi đường cho toàn dân tộc Việt Nam kiên quyết đứng lên chiến đấu chống thực dân, cứu nước.

Đầu năm 1947, trong khi chờ viện binh để mở rộng chiến tranh ra toàn cõi Việt Nam, giặc Pháp phải rút bỏ một số đồn, bốt, điều phần lớn lực lượng ra ứng chiến ở miền Bắc. Tuy nhiên, trên chiến trường Nam Bộ, chúng vẫn quyết tâm đàn áp, khủng bố, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, nhằm dập tắt phong trào kháng chiến của quân dân ta.

Căn cứ vào tình hình cụ thể ở địa phương, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một đề ra một loạt chủ trương nhằm đối phó với âm mưu, thủ đoạn mới của địch, đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi. Trong đó có nội dung đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích, tiêu hao, tiêu diệt địch, chú trọng phục kích chống càn, đánh giao thông, diệt đồn bốt, đẩy mạnh công tác địch ngụy vận.

Tháng 9-1947, Phòng Dân quân Nam Bộ được thành lập. Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ chỉ thị cho các tỉnh thành lập Tỉnh đội bộ dân quân. Đồng chí Nguyễn Văn Tiết-Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một được đề cử đảm nhiệm chức vụ Ủy viên dân quân Ủy ban kháng chiến hành chính kiêm Tỉnh đội trưởng dân quân. Lần lượt các huyện, xã đều lập huyện đội, xã đội bộ dân quân. Từ đây, phong trào dân quân của các địa phương phát triển nhanh chóng, tạo thành phong trào quần chúng sôi nổi. Lực lượng dân quân ở cơ sở gồm dân quân tự vệ và dân quân du kích, bước đầu hình thành mạng lưới chiến tranh nhân dân rộng khắp. Dân quân được trang bị súng, lựu đạn, mã tấu và thường xuyên luyện tập. Do được tổ chức và huấn luyện chu đáo, đến cuối năm 1947, ở các huyện Bù Đốp, Bà Rá, Lộc Ninh, các xã Tân Khai và Tân Thành có đội du kích hoạt động mạnh, hiệu quả.

Tháng 12-1947, hội nghị Xứ ủy Nam Bộ đề ra chủ trương: “tích cực xây dựng lực lượng du kích rộng khắp, nhất là ở vùng tạm chiếm, tăng cường đánh phá giao thông địch”, tổ chức bộ đội chủ lực khu làm lực lượng ứng chiến cho các vùng bị uy hiếp và phối hợp cùng lực lượng vũ trang địa phương chặn đánh bẻ gãy các cuộc càn quét, tiêu hao sinh lực địch. Quán triệt chủ trương trên và để hỗ trợ thiết thực phong trào quần chúng ở các địa bàn đang gặp khó khăn đặc biệt, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một quyết định đưa một đơn vị bộ đội tỉnh về đứng chân ở vùng Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp.

Để khắc phục khó khăn, quân cách mạng vừa chiến đấu, vừa tập trung lực lượng, từng bước thống nhất chỉ

huy. Chính vì thế, lực lượng vũ trang của vùng và tiếp theo là lực lượng vũ trang ở từng địa phương dần thu về một mối, tổ chức lại từ trên xuống dưới, điều này góp phần làm thay đổi cục diện chiến trường ở Đông Nam Bộ. Còn các đơn vị bộ đội địa phương từng bước được xây dựng và củng cố. Lực lượng vũ trang các cấp từng bước đứng vững trước những hoạt động càn quét đánh phá, giáng những đòn nặng nề tiêu diệt sinh lực địch, tạo nên những thắng lợi to lớn.

Sau khi trở lại chiếm đóng, thực dân Pháp tăng cường đồn bót trên các địa bàn quan trọng và dọc trục đường từ Đồng Xoài đến quận lỵ Bà Rá. Tại Đồng Xoài chúng thường xuyên duy trì trên một đại đội cơ động ứng chiến cho các vùng xung quanh. Ở đồn điền Thuận Lợi có trên một trung đội lính bảo vệ cho chủ sở. Ba làng công nhân đều có đồn bót và lính Marốc được trang bị đầy đủ súng đạn. Khu vực Phú Riềng - Thuận Lợi trở thành một căn cứ quân sự có nhiều đồn bót xung quanh, sẵn sàng chi viện và phối hợp với lực lượng ở vùng lân cận.

Chiến thắng của quân dân Việt Bắc trong thu đông 1947, đã tiếp thêm sức mạnh cho nhân dân Bà Rá - Phú Riềng đánh bại kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp, buộc chúng phải chuyển sang chiến lược “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, “dùng người Việt, trị người Việt”. Ở khu vực Phú Riềng - Phú Riềng cũng như toàn miền, địch đã đóng thêm các đồn bót và chi khu quân sự ở các đường giao thông chạy qua vùng cao su, cho các đơn vị cơ động sẵn sàng ứng chiến càn quét. Chúng còn điều động thêm bốn lính Lê Dương để bảo vệ đường xá,

đồn bót.

Từ Bà Rá bộ máy chiến tranh của địch đẩy mạnh bình định trên tất cả các lĩnh vực. Về quân sự, chúng tăng thêm quân (lấy từ lực lượng mới bổ sung 5 tiểu đoàn từ Bắc Bộ vào Sài Gòn), phát triển ngụy binh, đóng thêm một số đồn bót ở các khu vực trọng yếu, liên tục tổ chức càn quét mở rộng vùng tranh chấp. Về chính trị, chúng tổ chức gom dân về các khu vực xung quanh đồn bót địch (bây giờ ta gọi là khu nô lệ), củng cố bộ máy ngụy quyền tay sai, khuếch trương những tổ chức chính trị phản động, phát triển chiến tranh gián điệp. Về kinh tế, chúng tăng cường khai thác xuất khẩu cao su, mặt khác không chế ngăn chặn các nguồn vận chuyển tiếp tế và đánh phá hoạt động sản xuất của ta trong căn cứ. Về văn hóa, thực dân Pháp đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, dùng thủ đoạn truyền bá lối sống hưởng lạc để mua chuộc, lôi kéo cán bộ kháng chiến.

Chỉ trong thời gian ngắn, hàng loạt khu vực tranh chấp trên địa bàn tỉnh trở thành vùng tạm bị chiếm. Nhiều khu vực căn cứ bị biến thành vùng tranh chấp. Lực lượng dân quân du kích ở một số địa phương giảm xuống. Nhiều vùng trắng xuất hiện xung quanh Chiến khu Đ làm ngăn cách sự liên hệ giữa bộ đội với nhân dân. Các ngã đường về chiến khu bị kiểm soát gay gắt. Binh công xưởng, nông trại sản xuất, trâu bò, cơ sở kho tàng trạm trại trong căn cứ bị thiệt hại nhiều do máy bay địch bắn phá và gián điệp phá hoại.

Tháng 7/1947, ông Ngô Văn Long được Ủy ban kháng chiến hành chánh tỉnh Biên Hòa phân công lên vùng Bà Rá nắm tình hình và tổ chức xây dựng lực lượng cách mạng trong vùng đồng bào dân tộc. Cùng đi với ông Ngô Văn

Long có một cán bộ là Lê Đình Ngữ và một liên lạc tên là Thái. Ban đầu ông dựa vào những người buôn bán thường lên xuống vùng này để bắt liên lạc, trong đó có ông Năm Ty, ông Bro dân tộc Khơme và ông tổng Prai người ở Bù Cháp. Từ đó nhiều cuộc gặp gỡ, tiếp xúc giữa ông Ngô Văn Long và dân làng đã tạo ấn tượng tốt đẹp cho quần chúng trong vùng, dần dần tuyên truyền thuyết phục, cảm hóa một số người cảm tình đồng ý tham gia cách mạng.

Đến cuối năm 1947, Ủy ban kháng chiến hành chính trong vùng đồng bào dân tộc ở vùng Bà Rá - Phú Riềng được thành lập gồm các ông: Bro làm chủ tịch, ông Xơon làm phó chủ tịch và ông Lồng làm thư ký. Sự ra đời của Ủy ban kháng chiến hành chính trong vùng này đã làm cho một số cai tổng sợ hãi bỏ đi nơi khác như Thạch Tam ở tổng Bình Cách. Nhưng với sự cảm hóa mạnh mẽ của đội công tác và sự thuyết phục an ủi của các thành viên trong Ủy ban kháng chiến hành chính đã vận động được cai tổng Thạch Tam trở về tham gia cách mạng và ông hứa đưa bà con trong 7 sóc thuộc tổng Bình Cách của ông phần lớn là người Việt gốc Khơme trở về với Cách mạng.

Đầu năm 1948, một đơn vị vũ trang tuyên truyền Bà Rá - Phước Long (đội công tác) được thành lập, gồm 20 người phần lớn là anh em công nhân cao su do đồng chí Nguyễn Đình Kính (Bảy Kính) phụ trách. Đội chia thành hai bộ phận, một bộ phận công tác ở vùng đồng bào dân tộc và bộ phận còn lại hoạt động ở vùng các đồn điền cao su. Nhiệm vụ chung của đội là tuyên truyền phát động quần chúng, xây dựng cơ sở nắm tình hình phục vụ chiến đấu theo kiểu “vết dầu loang” tức là xây dựng cơ sở xong

ở chỗ này lại tiếp tục đi chỗ khác. Đội đã chọn Xà Nạp làm cơ sở đầu tiên để từ đó làm bàn đạp tiếp tục xây dựng ở các nơi khác như Tà Bảng, Tà Bái (thuộc Bình Long) lên Bù Ha (Đa Kia) và đi vào các làng sở cao su: Thuận Lợi, Bù Nho, Đa Kia, Phú Riềng. Dần dần cơ sở phát triển ngày càng đông, đầu năm 1948 Tỉnh ủy Biên Hòa tăng cường thêm cán bộ gồm các đồng chí Huỳnh Văn Nghĩa, Nguyễn Văn Bá, Tạ Quang Lộc lên vùng Mã Đà, An Linh, Cẩm Xô... hoạt động. Thông qua cơ sở, đội công tác của đồng chí Ngô Văn Long nắm và tổ chức thêm cơ sở trong đồng bào dân tộc như chị Lầu, anh Lâm, anh Bảy, chị Năm Ngũ, chị Ba Cao, anh Sáu Chiến, ông Hồng, cô Sô, chú Sĩ...

Tiêu biểu nhất là vụ giết chết tên chủ sở năm 1948 trong lần hấn đi xe về Thuận Lợi đến sân bay nhận tiếp té gạo và thực phẩm. Lực lượng phân đội 10 Sông Bé cùng công nhân Thuận Lợi phục kích giết chết hấn ở quảng đường 14 gần ở Thuận Lợi. Những tên Cai, Xu, Ác ôn trong đồn điền cũng bị ta diệt trừ hoặc giáo dục, cảnh cáo, vì thế thái độ của chúng đối với công nhân bớt hung hăng hơn.

Kiểm lại, cơ sở cách mạng đã được tổ chức trong nhiều sóc cả Kinh lẫn đồng bào dân tộc trên dưới chục ngàn người. Số đảng viên cũng được phát triển thêm. Nhằm đáp ứng những nhu cầu phát triển của cách mạng, đội công tác đề nghị Tỉnh ủy Biên Hòa cho thành lập đơn vị huyện. Được Tỉnh ủy chuẩn y và ra quyết định công nhận. Cũng từ đó, huyện ủy đầu tiên ở vùng Bà Rá được thành lập lấy tên là huyện Sông Bé. Ban Chấp hành huyện ủy đầu tiên gồm các đồng chí: Ngô Văn Long (Bí danh Rạch Bé) làm Bí thư. Đồng chí Tạ Quang Lộc làm Phó Bí thư. Đồng chí

Nguyễn Văn Bá, Nguyễn Văn Nghĩa, Lê Đình Ngũ làm Ủy viên.

Lúc đó cơ quan đóng gần cánh đồng Chân Ra thuộc vùng Mã Đà. Cùng lúc đó, Ủy ban kháng chiến hành chánh huyện Sông Bé cũng được thành lập, gồm: Đồng chí Ngô Văn Long làm Chủ tịch. Đồng chí Bro làm Phó chủ tịch. Đồng chí Lê Đình Ngũ làm Thư ký. Đồng chí Tạ Quang Lộc làm Ủy viên Quân sự. Đồng chí Huỳnh Văn Đón (dân tộc Châu Ro) làm Phó chủ tịch.

Đến năm 1948, Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ ra Chỉ thị xây dựng các trung đoàn bộ đội tập trung trên toàn xứ. Ngày 27/3/1948, Khu ủy khu 7 họp hội nghị thảo luận việc xây dựng các trung đoàn trên địa bàn miền Đông Nam Bộ. Hội nghị quyết định trên cơ sở các chi đội có sẵn, phát triển thành các trung đoàn. Địa bàn hoạt động trung đoàn vẫn chủ yếu trong phạm vi của tỉnh và của huyện. Theo đó, Chi đội 10 Biên Hòa tập trung xây dựng thành Trung đoàn 310. Ban chỉ huy Trung đoàn gồm: Nguyễn Văn Lung - Trung đoàn trưởng, Nguyễn Văn Tư (Tư Râu) - Chính trị viên, Nguyễn Văn Quang, sau là Đinh Quang Ân - Trung đoàn phó phụ trách tác chiến, Đào Văn Quang - Trung đoàn phó phụ trách quản trị. Biên chế trung đoàn gồm 3 tiểu đoàn bộ binh và 1 đại đội trợ chiến (trang bị trọng liên 12,7mm và súng cối 82mm). Mỗi tiểu đoàn có 3 đại đội bộ binh và 1 trung đội trợ chiến (trang bị đại liên và súng cối 60mm).

Trung đoàn 310 thành lập không chỉ đơn thuần thay đổi tên gọi mà biểu thị sự phát triển, thay đổi về chất, cơ cấu tổ chức, quy mô đơn vị đến năng lực của cán bộ, chiến

sĩ. Nó tạo điều kiện để từng bước đưa dần đơn vị lên trình độ xây dựng, tổ chức huấn luyện và chiến đấu ngày một cao hơn theo hướng chính quy.

Ở Bà Rá - Phước Long, Ban công tác liên thôn 7 phát triển thành Phân đội 10 huyện Sông Bé, trực thuộc Trung đoàn 310 của tỉnh Biên Hòa. Các hoạt động quân sự tiêu biểu nhất trong thời gian này là trận tiêu diệt tên Phó chủ sở gian ác thường trực tiếp đánh đập công nhân. Những tên xu, cai ác ôn làm tay sai cho chủ sở đều bị ta cảnh cáo.

Tháng 10-1948, Bộ Tư lệnh Nam Bộ được thành lập do Nguyễn Bình làm Tư lệnh. Cơ quan Tư lệnh bộ các khu được chấn chỉnh thêm một bước, đổi tên thành Bộ chỉ huy khu. Cơ quan Khu 7 do Huỳnh Văn Nghệ làm tư lệnh chuyển về Chiến khu Đ. Tháng 11-1948, Hội nghị Đại biểu tỉnh Thủ Dầu Một đã họp dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Hoàng Dư Khương-Bí thư Khu ủy Miền Đông. Hội nghị kiểm điểm lại tình hình kháng chiến của toàn tỉnh trong thời gian từ đầu thời kỳ kháng chiến và đề ra nhiệm vụ quân sự trong năm 1949, những biện pháp và phương hướng thích hợp thúc đẩy phong trào kháng chiến của địa phương.

3. Đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền trong giai đoạn cuối cuộc kháng chiến chống pháp (1951-1954)

Ở trung tâm các đồn điền Thuận Lợi, Phú Riềng... địch đã hình thành các chốt cụm để bung ra đánh phá, càn quét, gom dân cao su nhiều làng sở vào khu tập trung lớn. Thủ đoạn của thực dân Pháp gây cho cách mạng rất nhiều khó khăn. Đặc biệt, việc địch thường xuyên bung ra đánh phá từ các đồn bót đã cản trở việc nhân dân tập trung sản